

Phát triển bền vững dưới góc độ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023

Nguyễn Thị Việt Hà* Chủ nhật, 31/05/2026 - 11:39

(PLPT) - Tiếp cận Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2023 từ yêu cầu phát triển bền vững, bài viết khẳng định bước tiến mới, đồng thời kiến nghị hoàn thiện cơ chế thực thi.

Tóm tắt: Phát triển bền vững là mục tiêu chiến lược của Việt Nam, được cụ thể hóa trong nhiều chính sách, pháp luật, trong đó có Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023. Bài viết phân tích các quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023 liên quan đến phát triển bền vững và tham chiếu một số kinh nghiệm quốc tế. Nội dung tập trung vào khái niệm “tiêu dùng bền vững”, chính sách thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững, nghĩa vụ của người tiêu dùng, bảo vệ người tiêu dùng dễ bị tổn thương và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước. Kết quả nghiên cứu cho thấy Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023 đã có bước tiến quan trọng khi nội luật hóa phát triển bền vững, song vẫn tồn tại một số hạn chế. Bài viết đóng góp cách tiếp cận mới khi đặt các quy định của Luật 2023 trong mối quan hệ với phát triển bền vững, từ đó đề xuất kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật và thúc đẩy phát triển bền vững trong lĩnh vực bảo vệ người tiêu dùng ở Việt Nam.

Từ khoá: *phát triển bền vững; người tiêu dùng; tiêu dùng bền vững*

Abstract: Sustainable development is a strategic goal of Vietnam, concretized through various policies and laws, including the Law on Protection of Consumer Rights 2023. This article analyzes the provisions of the 2023 Law related to sustainable development, in comparison with the 2010 Law and by referencing certain international experiences. The analysis focuses on the concept of “sustainable consumption,” policies promoting sustainable production and consumption, consumer obligations, the protection of vulnerable consumers, and the responsibilities of state management agencies. The findings show that the 2023 Law marks an important step in incorporating sustainable development into the legal framework, yet certain limitations remain. The article contributes a new approach by situating the provisions of the 2023 Law within the context of sustainable development, thereby offering recommendations for legal improvement and promoting sustainable development in the field of consumer protection in Vietnam.

Keywords: *sustainable development; consumers; sustainable consumption*

1. Đặt vấn đề

Phát triển bền vững (PTBV) được khẳng định là một xu thế phát triển của nhân loại, chiến lược và mục tiêu phát triển của các quốc gia[1], nhất là trong bối cảnh biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và gia tăng các bất bình đẳng xã hội. Không chỉ dừng lại ở một định hướng chính sách mang tính khuyến nghị, PTBV ngày nay được xem là mô hình phát triển chủ đạo, chi phối quá trình hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật và tổ chức thực thi ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Tại Việt Nam, quan điểm này đã được Đảng và Nhà nước xác định là mục tiêu chiến lược trong tiến trình phát triển đất nước và từng bước được thể chế hóa trong nhiều lĩnh vực pháp luật khác nhau. Trong đó, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (BVQLNTD) năm 2023 được xem là một trong những đạo luật tiêu biểu, phản ánh rõ nét sự chuyển dịch trong tư duy lập pháp theo hướng gắn bảo vệ người tiêu dùng (NTD) với các mục tiêu PTBV.

Lần đầu tiên, các yếu tố liên quan đến PTBV như tiêu dùng bền vững, trách nhiệm xã hội của tổ chức, cá nhân kinh doanh (TCCNKD) và bảo vệ NTD dễ bị tổn thương, hay chính sách của Nhà nước về các hoạt động thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững,... được ghi nhận một cách có hệ thống trong nội dung điều chỉnh của luật. Đáng chú ý, sự thay đổi này diễn ra trong bối cảnh tiêu dùng số và thương mại điện tử bùng nổ mạnh mẽ, làm thay đổi căn bản hành vi tiêu dùng nhưng cũng đặt ra những thách thức mới cho PTBV như vấn nạn rác thải logistics hay sự mất đối xứng thông tin trên không gian mạng. Do đó, với những quy định mới hiện nay, pháp luật BVQLNTD không còn chỉ đơn thuần hướng tới việc BVQLNTD, mà từng bước trở thành công cụ quan trọng góp phần định hướng hành vi tiêu dùng, điều tiết thị trường và thúc đẩy PTBV.

Trong tiến trình PTBV, vai trò của NTD ngày càng được khẳng định khi hành vi tiêu dùng có tác động trực tiếp đến sản xuất, định hướng thị trường và sự phát triển của nền kinh tế. Tuy đã có nhiều nghiên cứu về bảo vệ NTD, song cả trên thế giới và ở Việt Nam vẫn còn ít công trình tiếp cận vấn đề này trong khuôn khổ PTBV. Xuất phát từ thực tiễn đó, bài viết tập trung phân tích mức độ nội luật hóa các yêu cầu của PTBV trong Luật BVQLNTD năm 2023 trên cơ sở ba cấu phần: kinh tế, môi trường và xã hội. Bài viết cho rằng luật đã bước đầu tiếp cận yêu cầu PTBV thông qua cả ba cấu phần này; tuy nhiên, mức độ nội luật hóa giữa các cấu phần chưa thực sự đồng đều, trong đó cấu phần kinh tế được thể hiện rõ nét hơn so với cấu phần môi trường và xã hội. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số kiến nghị nhằm tiếp tục hoàn thiện pháp luật BVQLNTD theo hướng bảo đảm sự cân bằng giữa các cấu phần của PTBV.

2. Khái niệm phát triển bền vững và mối quan hệ với pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Khái niệm PTBV có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, nhưng về tổng thể, đây là một phương thức phát triển dựa trên sự cân bằng giữa nhu cầu tăng trưởng kinh tế của quốc gia với những giới hạn về môi trường và xã hội. Hiện nay, định nghĩa PTBV được trích dẫn nhiều nhất là định nghĩa được đưa ra trong Báo cáo

“Tương lai chung của chúng ta” (Our Common Future) của Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển (WCED), còn được gọi là Ủy ban Brundtland, công bố năm 1987[2]. Theo đó, PTBV được định nghĩa là *“sự phát triển đáp ứng nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai”*. Khái niệm này chủ yếu nhấn mạnh khía cạnh sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo đảm môi trường sống cho con người trong quá trình phát triển. PTBV là một mô hình chuyển đổi, có khả năng tối ưu hóa các lợi ích kinh tế và xã hội trong hiện tại nhưng không gây hại cho tiềm năng của những lợi ích tương tự trong tương lai. Có thể nói, khái niệm này đã trở thành khái niệm chìa khoá giúp các quốc gia xây dựng quan điểm, chính sách, định hướng, giải pháp tháo gỡ các bế tắc phát sinh trong quá trình phát triển đất nước.

Báo cáo “Tương lai chung của chúng ta” đã khẳng định ba thành tố cơ bản của PTBV là bảo vệ môi trường, tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội[3]. Cụ thể:

(i) Tăng trưởng kinh tế: hướng tới tăng trưởng ổn định, đáp ứng nhu cầu của thế hệ hiện tại nhưng không vượt quá giới hạn chịu đựng của môi trường. Các hoạt động kinh tế phải được tổ chức sao cho không gây cạn kiệt tài nguyên, không để lại tác động tiêu cực lâu dài đối với hệ sinh thái;

(ii) Bảo vệ môi trường: gắn liền với việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học và duy trì chất lượng môi trường sống. Phát triển kinh tế phải đi đôi với gìn giữ và phục hồi môi trường tự nhiên, bảo đảm điều kiện sống bền vững cho các thế hệ tương lai;

(iii) Công bằng xã hội: bảo đảm công bằng và phúc lợi xã hội, hướng tới nâng cao chất lượng cuộc sống, giảm bất bình đẳng và tạo cơ hội phát triển đồng đều cho mọi tầng lớp trong xã hội.

Trên thế giới, PTBV đã được cụ thể hóa thông qua nhiều chương trình hành động và mục tiêu phát triển, tiêu biểu là Chương trình Nghị sự 2030 của Liên Hợp quốc với 17 Mục tiêu PTBV (SDGs). Ở Việt Nam, PTBV cũng được xác định là mục tiêu chiến lược xuyên suốt trong tiến trình phát triển đất nước. Quan điểm này được thể chế hóa không chỉ thông qua các văn kiện chính sách, hệ thống pháp luật mà còn được cụ thể hóa bằng Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự PTBV.

Trong mối liên hệ đó, pháp luật BVQLNTD giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hiện thực hóa các mục tiêu PTBV. Một mặt, PTBV cung cấp cơ sở giá trị và định hướng cho việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật bảo vệ quyền lợi NTD theo hướng không chỉ bảo vệ lợi ích cá nhân của NTD mà còn tính đến lợi ích chung của xã hội và môi trường. Mặt khác, hệ thống pháp luật BVQLNTD, khi được thiết kế và thực thi hiệu quả, lại trở thành công cụ trực tiếp thúc đẩy PTBV thông qua việc điều chỉnh hành vi tiêu dùng và hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Mối quan hệ giữa PTBV và pháp luật BVQLNTD vì vậy mang tính hai chiều và bổ trợ lẫn nhau. Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), NTD là “*chìa khóa thúc đẩy sản xuất bền vững và giữ vai trò trung tâm trong phát triển bền vững*”[4], bởi hành vi tiêu dùng có tác động trực tiếp đến sản xuất và định hướng thị trường. Trong bối cảnh hiện nay, tiêu dùng không còn đơn thuần là hoạt động thỏa mãn nhu cầu cá nhân mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến việc sử dụng tài nguyên, mô hình sản xuất và chất lượng môi trường sống. Vì vậy, việc định hướng hành vi tiêu dùng theo hướng bền vững được xem là một trong những điều kiện quan trọng để hiện thực hóa PTBV trên thực tế.

Với chức năng điều chỉnh quan hệ giữa NTD và tổ chức, cá nhân kinh doanh (TCCNKD), pháp luật BVQLNTD đóng vai trò cầu nối giữa các mục tiêu PTBV mang tính vĩ mô với các hành vi tiêu dùng cụ thể trong đời sống xã hội. Khi pháp luật được xây dựng và thực thi hiệu quả, các TCCNKD sẽ phải minh bạch thông tin, tuân thủ tiêu chuẩn chất lượng, bảo đảm an toàn sản phẩm và thực hiện trách nhiệm xã hội. Đồng thời, pháp luật cũng góp phần định hướng hành vi tiêu dùng theo hướng tiết kiệm tài nguyên, giảm phát thải và ưu tiên các sản phẩm thân thiện với môi trường. Bên cạnh đó, việc bảo vệ các nhóm NTD dễ bị tổn thương như trẻ em, người cao tuổi hoặc người khuyết tật còn góp phần bảo đảm công bằng xã hội và giảm bất bình đẳng.

Như vậy, từ góc độ lý luận, có thể khái quát “*phát triển bền vững trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*” là trạng thái trong đó các quyền và lợi ích hợp pháp của NTD được bảo đảm, đồng thời hành vi tiêu dùng và hoạt động sản xuất - kinh doanh được định hướng theo hướng tiết kiệm tài nguyên, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và bảo đảm công bằng xã hội. Khái niệm này được cấu thành bởi ba nhóm yếu tố (cấu phần) cơ bản:

(i) Cấu phần môi trường: thể hiện qua việc thúc đẩy tiêu dùng bền vững và sản xuất bền vững. Pháp luật BVQLNTD đóng vai trò định hướng hành vi tiêu dùng và sản xuất theo hướng tiết kiệm tài nguyên, giảm phát thải, ưu tiên sản phẩm thân thiện với môi trường. Các quy định về khái niệm tiêu dùng bền vững, chính sách thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững, nghĩa vụ của NTD về bảo vệ môi trường đều thuộc cấu phần này;

(ii) Cấu phần kinh tế: thể hiện qua việc bảo vệ quyền lợi NTD và thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh. Pháp luật BVQLNTD đảm bảo NTD được tiếp cận thông tin đầy đủ, sử dụng sản phẩm an toàn, chất lượng. Thông qua việc yêu cầu doanh nghiệp minh bạch thông tin, tuân thủ tiêu chuẩn chất lượng, pháp luật tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, góp phần vào tăng trưởng kinh tế ổn định;

(iii) Cấu phần xã hội: thể hiện qua việc bảo vệ NTD dễ bị tổn thương và bảo đảm tiếp cận công bằng đối với hàng hóa, dịch vụ. Quy định về bảo vệ NTD dễ bị tổn thương đóng góp trực tiếp vào mục tiêu giảm bất bình đẳng xã hội - mục tiêu số 10 trong 17 Mục tiêu PTBV của Liên Hợp Quốc.

Ba cấu phần này có mối quan hệ biện chứng, bổ trợ lẫn nhau. Pháp luật BVQLNTD đóng vai trò là công cụ kết nối và hiện thực hóa đồng thời các cấu phần này trong thực tiễn.

Tóm lại, PTBV vừa là định hướng giá trị cho việc hoàn thiện pháp luật BVQLNTD, vừa là mục tiêu mà pháp luật BVQLNTD hướng tới thông qua việc điều chỉnh hành vi tiêu dùng và hoạt động sản xuất - kinh doanh. Trên cơ sở trực lý luận về ba cấu phần nêu trên, việc phân tích các quy định cụ thể của Luật BVQLNTD năm 2023 trong các phần tiếp theo sẽ làm rõ cách thức pháp luật Việt Nam tiếp cận và triển khai các cấu phần của PTBV trong lĩnh vực BVQLNTD.

3. Một số quy định liên quan tới phát triển bền vững dưới góc độ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023

3.1. Quy định thuộc cấu phần môi trường

3.1.1. Quy định về khái niệm tiêu dùng bền vững

Trước hết, khái niệm tiêu dùng bền vững được đặt ra như một nội dung quan trọng trong việc định hướng nhận thức và hành vi tiêu dùng theo hướng giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường. Trong bối cảnh PTBV được xác định là mục tiêu chiến lược của quốc gia, tiêu dùng bền vững ngày càng được chú trọng như một giải pháp nhằm hiện thực hóa các mục tiêu này trên thực tế. Không chỉ dừng lại ở định hướng chính sách vĩ mô hay trách nhiệm của Nhà nước và doanh nghiệp, PTBV còn đòi hỏi sự thay đổi từ chính hành vi tiêu dùng của xã hội. Do đó, việc pháp luật BVQLNTD ghi nhận và điều chỉnh khái niệm tiêu dùng bền vững có ý nghĩa đặc biệt, vừa thể hiện sự cụ thể hóa mục tiêu PTBV, vừa tạo cơ sở pháp lý để định hướng hành vi tiêu dùng có trách nhiệm.

Năm 1999 là cột mốc quan trọng, khi Hướng dẫn về bảo vệ NTD của Liên Hợp Quốc ban hành năm 1985 (sửa đổi, bổ sung năm 1999) chính thức đưa ra khái niệm về tiêu dùng bền vững. Theo đó, tiêu dùng bền vững được định nghĩa là tiêu dùng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ hiện tại và tương lai về hàng hóa và dịch vụ theo cách bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường[5]. Hay theo cách tiếp cận của OECD, khái niệm tiêu dùng bền vững thường dựa trên định nghĩa do Bộ Môi trường Na Uy đề xuất năm 1994. Theo đó, tiêu dùng bền vững được hiểu là việc sử dụng hàng hóa, dịch vụ đáp ứng nhu cầu thiết yếu và nâng cao chất lượng cuộc sống, đồng thời giảm thiểu việc sử dụng tài nguyên, các chất độc hại và lượng chất thải phát sinh trong suốt vòng đời sản phẩm, nhằm không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai[6]. Như vậy, nếu định nghĩa của Liên Hợp Quốc chủ yếu hướng đến mục đích bền vững về môi trường và kinh tế, thì cách tiếp cận của Na Uy/OECD chủ yếu làm rõ yếu tố môi trường và vòng đời sản phẩm, qua đó thể hiện rõ chức năng giảm thiểu tác động tiêu cực đến hệ sinh thái.

Tại Việt Nam, thuật ngữ “tiêu dùng bền vững” đã xuất hiện trong một số văn bản pháp luật như Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 hay Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2030. Tuy nhiên, chỉ khi Luật BVQLNTD năm 2023 được ban hành, khái niệm “tiêu dùng bền vững” mới lần đầu tiên được định nghĩa chính thức trong pháp luật Việt Nam. Theo Luật này thì: *“Tiêu dùng bền vững là việc sử dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đáp ứng mục đích tiêu dùng, sinh hoạt của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức một cách hiệu quả, đồng thời giảm thiểu các tác động tiêu cực về môi trường, kinh tế - xã hội”*[7]. Có thể thấy, Luật BVQLNTD năm 2023 tiếp cận tiêu dùng bền vững theo hướng bao quát và linh hoạt. Thứ nhất, tiêu dùng *“một cách hiệu quả”* được hiểu theo nghĩa rộng, gắn với việc đáp ứng đúng mục đích tiêu dùng, tránh lãng phí, sử dụng hợp lý tài nguyên và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam. Thứ hai, yêu cầu *“giảm thiểu các tác động tiêu cực về môi trường, kinh tế - xã hội”* không chỉ được nhìn nhận dưới góc độ bảo vệ môi trường, mà còn bao hàm cả việc hạn chế những hệ quả bất lợi đối với an sinh xã hội và sự phát triển kinh tế dài hạn. Cách tiếp cận này cho thấy Luật BVQLNTD năm 2023 đã đặt tiêu dùng bền vững trong mối liên hệ với cả ba trụ cột của PTBV, bao gồm bảo vệ môi trường, bảo đảm ổn định kinh tế và thúc đẩy công bằng xã hội. Việc khái niệm tiêu dùng bền vững được Luật BVQLNTD năm 2023 chính thức ghi nhận, thể hiện bước tiến quan trọng trong việc nội luật hóa các nguyên tắc PTBV vào lĩnh vực tiêu dùng[8].

So với cách tiếp cận của Na Uy/OECD, quy định của Việt Nam chưa đưa ra các tiêu chí cụ thể để đo lường mức độ “hiệu quả” hay “giảm thiểu tác động tiêu cực”, như giảm mức tiêu thụ tài nguyên, hạn chế sử dụng hóa chất độc hại hoặc xem xét tác động môi trường trong suốt vòng đời sản phẩm. Tuy nhiên, cách tiếp cận này phản ánh lựa chọn chính sách lập pháp của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, theo đó ưu tiên xây dựng khuôn khổ pháp lý linh hoạt và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội hơn là thiết lập ngay các tiêu chuẩn pháp lý mang tính định lượng như mô hình của Na Uy/OECD.

Xét theo tiêu chí cách tiếp cận khái niệm, cách quy định này cho thấy tiêu dùng bền vững trước hết được nhìn nhận như một mục tiêu định hướng hành vi xã hội hơn là một chuẩn mực pháp lý mang tính bắt buộc. Xét theo tiêu chí kỹ thuật lập pháp, pháp luật hiện chưa xây dựng các tiêu chí cụ thể để nhận diện hành vi tiêu dùng bền vững. Xét theo tiêu chí cơ chế thực thi, Luật BVQLNTD năm 2023 cũng chưa thiết lập cơ chế giám sát hoặc công cụ đánh giá việc thực hiện tiêu dùng bền vững. Như vậy, quy định này hiện chủ yếu mang ý nghĩa định hướng và nâng cao nhận thức xã hội hơn là tạo ra tác động điều chỉnh trực tiếp đối với hành vi tiêu dùng.

3.1.2. Quy định về nghĩa vụ tiêu dùng bền vững của người tiêu dùng

Tiêu dùng bền vững là một trong những giải pháp trọng tâm nhằm bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Yếu tố quyết

định để đạt được mục tiêu này không chỉ phụ thuộc vào chính sách của Nhà nước hay trách nhiệm của doanh nghiệp, mà còn nằm ở hành vi tiêu dùng của NTD. Khảo sát của NielsenIQ năm 2022 cho thấy hơn 66% NTD Việt Nam sẵn sàng trả thêm tiền cho các thương hiệu cam kết bền vững - con số tăng đáng kể so với mức 50% vào năm 2013[9]. Điều này phản ánh sự chuyển biến tích cực trong nhận thức xã hội về tiêu dùng có trách nhiệm. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận không nhỏ NTD chưa hiểu đầy đủ về vai trò của mình trong bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên. Vì vậy, việc đặt ra nghĩa vụ pháp lý cho NTD là cần thiết để định hướng, điều chỉnh và thúc đẩy hành vi tiêu dùng có trách nhiệm.

Luật BVQLNTD năm 2023 lần đầu tiên ghi nhận rõ nghĩa vụ của NTD trong việc bảo vệ môi trường và thực hiện tiêu dùng bền vững, với nội dung: “*Tuân thủ điều kiện, hướng dẫn vận chuyển, bảo quản, sử dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; quy định về kiểm định, bảo vệ môi trường, tiêu dùng bền vững theo quy định của pháp luật*”[10]. So với Luật BVQLNTD năm 2010, đây là bước tiến quan trọng khi phạm vi nghĩa vụ được mở rộng, bao quát toàn bộ quá trình tiêu dùng từ khâu vận chuyển, bảo quản đến sử dụng sản phẩm. Đặc biệt, lần đầu tiên Luật BVQLNTD đặt ra nghĩa vụ pháp lý cho NTD trong việc tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường và tiêu dùng bền vững, đặt NTD vào vị thế chủ thể có trách nhiệm xã hội, thay vì chỉ là đối tượng thụ hưởng sự bảo vệ của pháp luật. Đây là bước chuyển từ nguyên tắc mang tính khuyến khích thành nghĩa vụ pháp lý có tính ràng buộc, thể hiện định hướng mạnh mẽ của Nhà nước trong việc thúc đẩy tiêu dùng có trách nhiệm, hướng tới PTBV.

Tuy nhiên, cách quy định này vẫn bộc lộ hai điểm hạn chế đáng chú ý:

Thứ nhất, xét theo tiêu chí kỹ thuật lập pháp, nghĩa vụ của NTD được quy định quá khái quát, đặc biệt ở nội dung “*tuân thủ quy định về kiểm định, bảo vệ môi trường, tiêu dùng bền vững theo quy định của pháp luật*”. Đây là những khái niệm rộng, song Luật lại không đưa ra tiêu chí hay hành vi cụ thể để NTD có thể thực hiện. Chẳng hạn, “*tuân thủ tiêu dùng bền vững*” có đồng nghĩa với nghĩa vụ phân loại rác tại nguồn, hạn chế túi nhựa dùng một lần, hay ưu tiên sản phẩm có khả năng tái chế hay không? Tương tự, “*tuân thủ bảo vệ môi trường*” liệu có bao hàm cả việc giảm sử dụng năng lượng, hạn chế khí thải, hay chỉ dừng lại ở yêu cầu chung về ý thức bảo vệ môi trường? Sự mơ hồ này dẫn đến việc cơ quan quản lý thiếu căn cứ để giám sát, trong khi NTD cũng không có hướng dẫn rõ ràng để tuân thủ. Kinh nghiệm của một số quốc gia thuộc Liên minh châu Âu (EU) cho thấy nghĩa vụ của NTD thường được cụ thể hóa thông qua các hành vi pháp lý rõ ràng như phân loại rác, hạn chế túi nhựa hoặc tham gia chương trình thu hồi sản phẩm. So với cách tiếp cận này, quy định của Việt Nam hiện vẫn mang tính khái quát và thiên về định hướng hành vi. Điều này cho thấy pháp luật Việt Nam hiện vẫn ưu tiên cơ chế định hướng hành vi hơn là áp đặt nghĩa vụ pháp lý mang tính cưỡng chế.

Thứ hai, xét theo tiêu chí cơ chế thực thi, chưa có quy định về chế tài xử lý vi phạm khi NTD không thực hiện nghĩa vụ. Nghĩa vụ pháp lý chỉ có giá trị ràng

buộc khi gắn liền với cơ chế bảo đảm thi hành, đặc biệt là chế tài xử lý vi phạm. Nếu thiếu yếu tố này, quy định về nghĩa vụ pháp lý chỉ mang tính hình thức mà không tạo ra sức ép thay đổi hành vi của NTD. Đồng thời, cơ quan quản lý nhà nước cũng không có căn cứ để kiểm tra và xử lý. Do vậy, quy định này khó phát huy hiệu quả trong thực tiễn.

Có thể thấy, các quy định thuộc cấu phần môi trường của PTBV trong Luật BVQLNTD năm 2023 đã bước đầu tạo cơ sở pháp lý cho việc định hướng hành vi tiêu dùng có trách nhiệm hướng tới mục tiêu PTBV. Tuy nhiên, vấn đề cốt lõi hiện nay không nằm ở việc thiếu vắng định hướng chính sách, mà ở việc pháp luật chưa thiết lập được cơ chế thực thi đủ rõ để điều chỉnh hành vi tiêu dùng trên thực tế. Hệ quả là mức độ nội luật hóa cấu phần môi trường trong pháp luật BVQLNTD hiện nay vẫn thiên về khuyến khích hơn là thiết lập cơ chế ràng buộc pháp lý.

3.2. Quy định thuộc cấu phần kinh tế

3.2.1. Quy định về chính sách của Nhà nước về các hoạt động thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững

Quy định về chính sách của Nhà nước trong Luật BVQLNTD năm 2023, xét về bản chất, là công cụ điều tiết thị trường và định hướng hoạt động sản xuất - kinh doanh, do đó mang trọng tâm của cấu phần kinh tế trong PTBV. Trước đây, chính sách của Nhà nước về BVQLNTD chủ yếu tập trung đảm bảo cho NTD được sử dụng các hàng hoá, dịch vụ an toàn và chất lượng. Tuy nhiên, gần đây, chính sách về BVQLNTD của các nước trên thế giới đang phát triển theo hướng bao gồm cả hoạt động sản xuất và tiêu dùng bền vững. Bất chấp với xu thế này, Luật BVQLNTD Việt Nam năm 2023 đã bổ sung khía cạnh này vào quy định về chính sách BVQLNTD[11]. Cụ thể, các hoạt động thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững gồm các hoạt động sau:

Thứ nhất, khuyến khích, thúc đẩy đầu tư, sản xuất, lưu thông, phân phối, xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công nghệ thân thiện môi trường, hướng đến kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn nhằm nâng cao lợi ích của NTD.

Việt Nam là một trong những quốc gia chịu nhiều tác động của biến đổi khí hậu nên Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách để đối phó với vấn đề này. Trong đó, đặc biệt chú trọng tới việc thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững để hướng đến kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thông qua việc khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư, sản xuất, lưu thông, phân phối, xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, công nghệ thân thiện với môi trường. Để thực hiện hoạt động này, Nhà nước cần phải đưa ra các hỗ trợ như ưu tiên về đất đai, thuế,... cho TCCNKD tuân thủ tiêu chuẩn bền vững. Trên thực tế, Nhà nước đã ban hành nhiều quy định liên quan tới những vấn đề này. Một minh chứng cụ thể là Nghị định số 205/2025/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Nghị định 111/2015/NĐ-CP) đã bổ sung Điều 14 trong đó có nội dung “*Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm: Phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan rà soát, nghiên cứu*

đề xuất bổ sung các chính sách ưu đãi về đất đai và môi trường đối với các dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển”. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 cũng quy định ngành nghề được hưởng ưu đãi thuế bao gồm: “*sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải*”[12]. Như vậy, có thể thấy rằng, việc ưu tiên hỗ trợ về đất đai hay thuế cho các doanh nghiệp tuân thủ tiêu chuẩn bền vững không chỉ là định hướng lý thuyết mà đã được thể chế hóa trong các văn bản quy phạm pháp luật cụ thể. Chính các cơ chế này tạo động lực kinh tế để doanh nghiệp đổi mới công nghệ, loại bỏ quy trình sản xuất lạc hậu và nâng cao năng lực cạnh tranh, qua đó thúc đẩy sự vận hành của thị trường theo hướng hiệu quả và bền vững hơn.

Thứ hai, hỗ trợ tổ chức, cá nhân ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ tiên tiến, mã số, mã vạch, truy xuất nguồn gốc để sản xuất, cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ an toàn, bảo đảm chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

Trong khi thế giới đang bước vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư với đặc trưng là ứng dụng công nghệ cao, Việt Nam vẫn đang phát triển dựa nhiều vào khai thác tài nguyên và chi phí nhân công giá rẻ. Do vậy, để thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững, Nhà nước cần phải hỗ trợ các TCCNKD ứng dụng công nghệ hiện đại để sản xuất và nâng cao năng lực cạnh tranh. Việc hỗ trợ ứng dụng công nghệ này sẽ giúp các TCCNKD bảo đảm chất lượng sản phẩm, rút ngắn tiến độ sản xuất, giảm chi phí,... Từ đó, hoàn thành sớm nhiều đơn hàng, tăng uy tín với đối tác, mở rộng cung cấp ở cả thị trường trong nước lẫn nước ngoài. Bên cạnh đó, việc hỗ trợ TCCNKD ứng dụng công nghệ như mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc cũng là một chính sách quan trọng trong công cuộc thực hiện mục tiêu PTBV. Để thúc đẩy chính sách này, Nhà nước ta đã ban hành nhiều quy định cụ thể về quản lý và hỗ trợ hoạt động truy xuất nguồn gốc, mã số - mã vạch và chuyển đổi số trong sản xuất. Trong số các văn bản đó, có thể kể tới Thông tư số 02/2024/TT-BKHCN ngày 28/3/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chi tiết việc quản lý truy xuất nguồn gốc, trong đó yêu cầu TCCNKD phải áp dụng mã truy vết sản phẩm, mã truy vết địa điểm và vật mang dữ liệu (như mã QR, mã vạch) để bảo đảm khả năng kiểm soát, truy ngược nguồn gốc hàng hóa. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng giúp doanh nghiệp thực hiện sản xuất minh bạch, nâng cao uy tín, đồng thời giúp NTD tiếp cận thông tin chính xác về sản phẩm, đưa ra quyết định mua sắm có trách nhiệm.

Thứ ba, tham gia một cách chủ động và có trách nhiệm vào các hoạt động thúc đẩy sản xuất, tiêu dùng bền vững của khu vực và thế giới.

Quy định mới về chính sách của Nhà nước trong Luật BVQLNTD năm 2023 cũng đặt ra yêu cầu Nhà nước phải chủ động tham gia và đẩy mạnh hợp tác tại các cơ chế nghị viện đa phương và khu vực, nhằm thúc đẩy việc thực hiện các cam kết về sản xuất và tiêu dùng bền vững. Việc Việt Nam tham gia vào các thỏa thuận

thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA cũng đòi hỏi sự điều chỉnh chính sách phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế về tiêu dùng bền vững, bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế tuần hoàn. Thực tế cho thấy, Việt Nam đã có nhiều bước tiến đáng kể trong việc thực hiện các cam kết quốc tế về sản xuất và tiêu dùng bền vững. Tại Hội nghị các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu lần thứ 26 (COP 26) diễn ra vào tháng 11 năm 2021, Việt Nam đã cam kết đạt phát thải ròng bằng 0 (net zero) vào năm 2050, đồng thời cắt giảm 30% khí mê-tan vào năm 2030 so với năm 2020. Những cam kết mạnh mẽ này là căn cứ để quốc tế ghi nhận và đánh giá cao Việt Nam là một thành viên tích cực, là đối tác tin cậy, có trách nhiệm của Công ước này.[13]

Có thể thấy, xét theo tiêu chí cách tiếp cận khái niệm, quy định về chính sách của Nhà nước thể hiện tư duy “từ trên xuống” (top-down), trong đó Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong việc định hướng và hỗ trợ hoạt động sản xuất, tiêu dùng bền vững. Cách tiếp cận này khác với mô hình của EU, nơi chú trọng đồng thời vai trò của thị trường và NTD. Xét theo tiêu chí kỹ thuật lập pháp, các quy định được thiết kế theo hướng khái quát, mang tính định hướng, tạo sự linh hoạt cho việc ban hành văn bản hướng dẫn nhưng lại thiếu tiêu chí cụ thể để đánh giá hiệu quả thực hiện. Xét theo tiêu chí cơ chế thực thi, Luật BVQLNTD năm 2023 hiện chưa thiết lập cơ chế giám sát và đánh giá hiệu quả thực hiện các chính sách này.

Mặc dù chủ yếu phản ánh cấu phần kinh tế thông qua chức năng điều tiết thị trường và định hướng hoạt động sản xuất - kinh doanh, quy định này đồng thời cũng tạo ra tác động đáng kể đối với cấu phần môi trường. Thông qua việc khuyến khích phát triển sản phẩm, hàng hóa và công nghệ thân thiện với môi trường, cũng như thúc đẩy kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn, pháp luật từng bước làm thay đổi cấu trúc cung của thị trường theo hướng giảm phát thải và sử dụng hiệu quả tài nguyên. Cơ chế tác động ở đây không diễn ra trực tiếp bằng các quy định môi trường, mà thông qua việc điều chỉnh động cơ kinh tế của doanh nghiệp, buộc các chủ thể này lựa chọn phương thức sản xuất bền vững hơn để được hưởng ưu đãi chính sách và duy trì năng lực cạnh tranh. Qua đó, các mục tiêu môi trường được thực hiện thông qua cơ chế “kinh tế hóa” trong hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Quy định về chính sách của Nhà nước đã góp phần thúc đẩy cấu phần kinh tế của PTBV thông qua việc tạo lập khuôn khổ pháp lý cho quá trình chuyển đổi sang mô hình kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn. Thông qua các cơ chế định hướng và hỗ trợ, pháp luật không chỉ khuyến khích doanh nghiệp thay đổi phương thức sản xuất theo hướng bền vững hơn mà còn góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng thích ứng của TCCNKD trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

3.2.2. Quy định về một số trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh trong bảo đảm môi trường tiêu dùng lành mạnh

Trong nền kinh tế thị trường, sự ổn định và PTBV của thị trường phụ thuộc lớn vào mức độ minh bạch, an toàn và tin cậy trong các quan hệ tiêu dùng. Khi TCCNKD

không thực hiện đầy đủ trách nhiệm đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ do mình cung cấp, thị trường dễ phát sinh tình trạng bất cân xứng thông tin, cạnh tranh thiếu lành mạnh và suy giảm niềm tin tiêu dùng. Vì vậy, việc pháp luật đặt ra các trách nhiệm pháp lý đối với TCCNKD không chỉ nhằm bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng mà còn góp phần duy trì trật tự thị trường và bảo đảm cấu phần kinh tế của PTBV. Trên cơ sở đó, Luật BVQLNTD năm 2023 đã thiết lập tương đối toàn diện hệ thống trách nhiệm của TCCNKD trong quá trình cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, chẳng hạn như: trách nhiệm cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; trách nhiệm bảo đảm chất lượng, an toàn của sản phẩm; trách nhiệm bảo hành; trách nhiệm đối với sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật; cũng như trách nhiệm của các chủ thể thiết lập, vận hành nền tảng số trung gian trong môi trường thương mại điện tử;... Các quy định này không chỉ hướng tới mục tiêu bảo vệ cá nhân NTD mà còn góp phần củng cố niềm tin thị trường, duy trì cạnh tranh lành mạnh và nâng cao tính ổn định của nền kinh tế. Đây chính là những yếu tố có ý nghĩa nền tảng đối với cấu phần kinh tế của PTBV.

Dưới góc độ kinh tế, các quy định này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc khắc phục tình trạng bất cân xứng thông tin giữa NTD và TCCNKD. Trên thực tế, các TCCNKD luôn nắm giữ ưu thế về khả năng tiếp cận thông tin liên quan đến nguồn gốc, chất lượng, đặc tính kỹ thuật và mức độ an toàn của sản phẩm, trong khi NTD thường không có đủ điều kiện để tự kiểm chứng các thông tin này. Sự chênh lệch về thông tin tạo điều kiện cho các hành vi quảng cáo sai lệch, che giấu khuyết tật sản phẩm hoặc cung cấp thông tin gây nhầm lẫn nhằm tối đa hóa lợi nhuận. Hệ quả không chỉ gây thiệt hại cho NTD mà còn làm méo mó cơ chế cạnh tranh của thị trường. Bên cạnh đó, việc pháp luật buộc phải minh bạch hóa thông tin và chịu trách nhiệm đối với chất lượng, độ an toàn của sản phẩm thực chất là cơ chế tái lập sự cân bằng thông tin trên thị trường. Những quy định này có ý nghĩa quan trọng trong việc duy trì niềm tin của xã hội đối với thị trường. Trong một môi trường tiêu dùng mà hàng hóa kém chất lượng, thông tin sai lệch hoặc hành vi chối bỏ trách nhiệm diễn ra phổ biến, NTD sẽ có xu hướng e ngại giao dịch và hạn chế tiêu dùng. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến quyền lợi của NTD mà còn làm suy giảm tính ổn định và hiệu quả của nền kinh tế. Ngược lại, khi pháp luật thiết lập cơ chế buộc TCCNKD phải chịu trách nhiệm đối với sản phẩm do mình cung cấp, niềm tin thị trường sẽ được củng cố, từ đó thúc đẩy hoạt động giao dịch và tiêu dùng ổn định hơn.

Đáng chú ý, Luật BVQLNTD năm 2023 đã mở rộng trách nhiệm pháp lý đối với các chủ thể thiết lập, vận hành nền tảng số trung gian[14]. Điều này phản ánh sự thích ứng của pháp luật với bối cảnh kinh tế số hiện nay. Trong môi trường thương mại điện tử, rủi ro tiêu dùng không còn chỉ phát sinh từ quan hệ trực tiếp giữa TCCNKD và người tiêu dùng mà còn xuất hiện thông qua các nền tảng trung gian - nơi thông tin có thể bị thao túng, che giấu hoặc lan truyền sai lệch với tốc độ nhanh chóng. Việc đặt ra trách nhiệm kiểm soát và xử lý thông tin vi phạm đối với các nền tảng số vì vậy có ý nghĩa quan trọng trong việc duy trì tính minh bạch và an toàn của thị trường tiêu dùng hiện đại.

Bên cạnh đó, các quy định về trách nhiệm đối với sản phẩm có khuyết tật cho thấy sự thay đổi đáng kể trong tư duy lập pháp của Luật BVQLNTD năm 2023 theo hướng quản trị rủi ro thị trường. Theo đó, TCCNKD không chỉ có trách nhiệm bồi thường khi thiệt hại đã xảy ra mà còn phải chủ động thu hồi, cảnh báo và ngừng lưu thông sản phẩm có nguy cơ gây mất an toàn cho NTD[15]. Cơ chế này góp phần buộc TCCNKD phải đầu tư nhiều hơn vào kiểm soát chất lượng và quản trị chuỗi cung ứng, thay vì chỉ chú trọng tối đa hóa lợi nhuận ngắn hạn.

Xét theo tiêu chí kỹ thuật lập pháp, Luật BVQLNTD năm 2023 đã có bước tiến đáng kể khi xây dựng các quy định theo hướng cụ thể và thích ứng hơn với môi trường kinh tế số. Tuy nhiên, xét trong mối liên hệ với PTBV, các quy định nêu trên hiện chủ yếu tập trung vào việc bảo đảm tính minh bạch và an toàn của giao dịch tiêu dùng nhằm duy trì sự ổn định của thị trường, tức nghiêng nhiều về cấu phần kinh tế. Trong khi đó, các trách nhiệm của TCCNKD liên quan đến giảm thiểu phát sinh chất thải hoặc thúc đẩy mô hình sản xuất bền vững vẫn chưa được quy định rõ nét. Đối với thương mại điện tử, mặc dù Luật BVQLNTD năm 2023 đã bước đầu đặt ra trách nhiệm cho các nền tảng số trung gian, nhưng cơ chế kiểm soát các tác động môi trường phát sinh từ hoạt động logistics, bao bì vẫn còn khá hạn chế. Điều này cho thấy Luật BVQLNTD năm 2023 hiện nay vẫn ưu tiên mục tiêu bảo đảm an toàn giao dịch và ổn định thị trường hơn là hiện thực hóa đầy đủ các yêu cầu của PTBV theo nghĩa toàn diện.

Xét theo tiêu chí cơ chế thực thi, Luật BVQLNTD năm 2023 cho thấy xu hướng tăng cường cơ chế phòng ngừa và kiểm soát rủi ro thị trường thông qua việc mở rộng trách nhiệm pháp lý của TCCNKD và các chủ thể trung gian. Cách tiếp cận này phù hợp với đặc điểm của nền kinh tế hiện đại, nơi các rủi ro tiêu dùng ngày càng phức tạp và gắn chặt với sự phát triển của công nghệ số.

Nhóm quy định về trách nhiệm của TCCNKD trong Luật BVQLNTD năm 2023 đã góp phần quan trọng vào cấu phần kinh tế khi thiết lập nền tảng thể chế cho việc vận hành hiệu quả của thị trường thông qua việc giảm thiểu rủi ro giao dịch, nâng cao mức độ minh bạch và củng cố niềm tin của NTD. Tuy nhiên, mức độ nội luật hóa các yêu cầu của PTBV hiện nay vẫn nghiêng nhiều về bảo đảm cấu phần kinh tế của thị trường. Theo đó, hạn chế của pháp luật hiện nay chủ yếu nằm ở định hướng chính sách lập pháp khi các quy định vẫn chưa chú trọng đầy đủ đến trách nhiệm của doanh nghiệp trong giảm thiểu tác động môi trường phát sinh từ hoạt động sản xuất, phân phối và tiêu dùng.

3.3. Quy định thuộc cấu phần xã hội

3.3.1. Quy định về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng dễ bị tổn thương

BVQLNTD dễ bị tổn thương là một nội dung quan trọng thuộc cấu phần xã hội của PTBV, thể hiện rõ cam kết của các quốc gia trong việc giảm bất bình đẳng xã hội - mục tiêu số 10 trong số 17 mục tiêu PTBV của Liên Hợp Quốc[16]. Nhóm NTD dễ bị tổn thương thường bao gồm người cao tuổi, người khuyết tật, phụ nữ

mang thai, trẻ em, người nghèo,... vốn gặp nhiều bất lợi trong tiếp cận thông tin, dịch vụ và cơ chế bảo vệ quyền lợi. Đặc biệt, trong bối cảnh tiêu dùng số hiện nay, sự yếu thế của các nhóm đối tượng này càng bộc lộ rõ nét do những hạn chế về kỹ năng công nghệ, khiến họ dễ trở thành nạn nhân của các thuật toán thao túng hành vi và các rủi ro lừa đảo trực tuyến.

Luật BVQLNTD năm 2023 là văn bản pháp luật đầu tiên tại Việt Nam xác định rõ khái niệm NTD dễ bị tổn thương, đồng thời, liệt kê cụ thể bảy nhóm đối tượng dễ thuận lợi trong áp dụng[17]. Như vậy, Luật BVQLNTD năm 2023 kết hợp cả yếu tố bản chất (khả năng chịu bất lợi trong tiếp cận thông tin, bảo đảm sức khỏe, tài sản) và yếu tố liệt kê (7 nhóm đối tượng). Cách tiếp cận khái niệm này khác với mô hình của EU, bởi kinh nghiệm từ EU cho thấy, pháp luật không đưa ra danh mục cứng, mà đánh giá mức độ tổn thương của NTD dựa vào hoàn cảnh cụ thể như tuổi tác, sức khỏe, giới tính hoặc tình trạng cá nhân. Nghị quyết về tăng cường BVQLNTD dễ bị tổn thương của Nghị viện châu Âu được ban hành ngày 22 tháng 5 năm 2012[18] minh chứng cho cách tiếp cận này, khi coi NTD dễ bị tổn thương là những người có thể bị tổn thương do khuyết tật về tinh thần, thể chất, tâm lý, tuổi tác, giới tính hoặc tình trạng cá nhân. Cách tiếp cận này của EU cho phép hệ thống pháp luật thích ứng với những hình thức tổn thương mới. Ví dụ, năm 2013, Tòa án Hành chính Tối cao của Czech phán quyết người bị bệnh cúm hoặc cảm lạnh cũng có thể xác định là nhóm người dễ bị tổn thương trong một vụ việc liên quan đến sản phẩm chức năng được quảng cáo để nâng cao hệ miễn dịch. Tòa án Czech cho rằng quảng cáo này tập trung vào nhóm người đang bị ốm với khả năng đánh giá tình huống kém hơn và cả tin hơn những người khỏe mạnh[19]. Có thể thấy, sự khác biệt trong cách tiếp cận giữa Việt Nam và EU phản ánh lựa chọn chính sách lập pháp giữa tính rõ ràng trong nhận diện đối tượng cần bảo vệ và khả năng thích ứng của pháp luật trước những dạng tổn thương mới phát sinh trong xã hội tiêu dùng hiện đại.

Xét theo tiêu chí kỹ thuật lập pháp, cách quy định liệt kê giúp dễ dàng nhận diện các nhóm cần bảo vệ. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là liệu danh mục này có đủ để bao quát những dạng tổn thương đang thay đổi trong bối cảnh tiêu dùng hiện nay hay không? Bởi trên thực tế có nguy cơ xuất hiện những nhóm NTD dễ bị tổn thương mới chưa được dự liệu trong luật[20]. Chẳng hạn, người không biết tiếng Việt sẽ bị hạn chế về khả năng tiếp nhận thông tin khi mua hàng trực tuyến; những người thuộc cộng đồng LGBT (giới tính thứ ba) có nguy cơ bị kỳ thị, phân biệt đối xử hoặc những người gặp biến cố tâm lý,... Do đó, cần có sự linh hoạt trong thực tiễn áp dụng để đảm bảo quyền lợi cho mọi NTD yếu thế.

Xét theo tiêu chí cơ chế thực thi, Luật BVQLNTD năm 2023 đã bổ sung trách nhiệm đặc biệt đối với TCCNKD khi giao dịch với NTD dễ bị tổn thương. Theo đó, các chủ thể kinh doanh không được từ chối giải quyết yêu cầu của NTD vì các rào cản về ngôn ngữ, phong tục, tập quán; hay có nghĩa vụ áp dụng cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại phù hợp với đặc điểm của từng nhóm NTD dễ bị tổn thương;... [21] Những quy định này thể hiện bước tiến quan trọng trong việc bảo

đảm công bằng xã hội, qua đó góp phần xây dựng một môi trường tiêu dùng minh bạch và bền vững.

Có thể thấy, quy định về bảo vệ NTD dễ bị tổn thương đóng góp trực tiếp vào cấu phần xã hội của PTBV thông qua việc giảm bất bình đẳng xã hội, qua đó góp phần xây dựng một môi trường tiêu dùng minh bạch và bền vững.

3.3.2. Quy định về trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước đối với vấn đề phát triển bền vững

Bên cạnh các quy định trực tiếp điều chỉnh hành vi của TCCNKD và NTD, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo đảm thực thi các mục tiêu PTBV trong lĩnh vực BVQLNTD. Để các quy định về sản xuất và tiêu dùng bền vững trong Luật BVQLNTD năm 2023 đi vào thực tiễn, việc phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương là cần thiết, nhằm tránh tình trạng chồng chéo, đùn đẩy trách nhiệm.

Xét theo tiêu chí kỹ thuật lập pháp, Luật BVQLNTD năm 2023 tiếp tục duy trì mô hình phân công trách nhiệm theo hướng phi tập trung nhưng có sự điều phối thống nhất. Theo đó, Bộ Công Thương được xác định là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về BVQLNTD, đồng thời bổ sung trách nhiệm về thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững hướng đến kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn[22]. Các bộ, cơ quan ngang bộ khác cũng có trách nhiệm thực hiện nội dung này trong lĩnh vực được phân công quản lý. Đặc biệt, Bộ Khoa học và Công nghệ giữ vai trò then chốt bởi cơ quan này phụ trách quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ. Đây là lĩnh vực đóng vai trò quyết định trong việc nghiên cứu, đổi mới công nghệ và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn và bảo đảm PTBV. Ở cấp địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững hướng tới kinh tế tuần hoàn, cũng như khuyến khích, thúc đẩy đầu tư, sản xuất, phân phối, xuất khẩu, nhập khẩu các sản phẩm, công nghệ thân thiện với môi trường[23]. Cách tiếp cận này cho thấy, Luật BVQLNTD năm 2023 duy trì mô hình quản lý phi tập trung (không tập trung trách nhiệm vào một cơ quan duy nhất) nhưng vẫn đảm bảo sự phối hợp liên ngành, liên cấp. Quy định như vậy là phù hợp, bởi BVQLNTD và thúc đẩy sản xuất, tiêu dùng bền vững là nhiệm vụ phức tạp, đòi hỏi huy động sức mạnh của nhiều cơ quan và toàn xã hội. Tuy nhiên, các thuật ngữ như "khuyến khích", "thúc đẩy" tại Điều 74 và Điều 77 của Luật dù tạo dư địa cho sự sáng tạo trong chính sách địa phương, nhưng lại thiếu các tiêu chí định lượng cụ thể, có thể dẫn đến sự thiếu đồng bộ trong việc diễn giải và áp dụng luật giữa các địa phương khác nhau.

Xét theo tiêu chí cơ chế thực thi, mô hình quản lý phi tập trung trong Luật BVQLNTD năm 2023 nhìn chung phù hợp với tính chất đa ngành, đa lĩnh vực của công tác PTBV. Tuy nhiên, một khoảng trống pháp lý đáng chú ý là sự thiếu

vắng cơ chế phối hợp liên ngành mang tính ràng buộc về trách nhiệm. Trên thực tế, cơ chế phối hợp hiện nay chủ yếu dừng lại ở việc thực hiện các nhiệm vụ được phân công, chưa thiết lập được quy trình giám sát chéo hoặc cơ chế báo cáo, đánh giá định kỳ về mức độ đóng góp của từng cơ quan đối với mục tiêu PTBV. Đồng thời, pháp luật cũng chưa quy định các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động cụ thể đối với các cơ quan quản lý trong lĩnh vực này. Hệ quả là các chính sách thúc đẩy tiêu dùng bền vững có nguy cơ chỉ mang tính định hướng hoặc phong trào, chưa tạo ra những tác động thực chất và bền vững đối với hành vi thị trường.

Dưới góc độ PTBV, quy định này có ý nghĩa đặc biệt đối với cấu phần xã hội bởi việc xây dựng cơ chế quản lý nhà nước hiệu quả, có sự phân công và phối hợp rõ ràng giữa các cơ quan có thẩm quyền là điều kiện cần thiết để bảo đảm công bằng, duy trì trật tự thị trường và BVQLNTD trên thực tế.

Qua phân tích các nhóm quy định trên, có thể thấy Luật BVQLNTD năm 2023 đã bước đầu nội luật hóa các yêu cầu của PTBV trong lĩnh vực BVQLNTD. Tuy nhiên, quá trình này hiện chưa thực sự đồng đều giữa ba cấu phần kinh tế - môi trường - xã hội. Trong đó, cấu phần kinh tế được thể hiện rõ nét hơn cả thông qua hệ thống quy định cụ thể về bảo đảm an toàn giao dịch, minh bạch thông tin và ổn định thị trường. Ngược lại, các nội dung liên quan đến cấu phần môi trường chủ yếu vẫn được tiếp cận theo hướng định hướng, khuyến khích, chưa hình thành đầy đủ các cơ chế pháp lý mang tính ràng buộc nhằm thúc đẩy phát triển bền vững. Đối với cấu phần xã hội, mặc dù Luật BVQLNTD năm 2023 đã có bước tiến nhất định khi đặt ra quy định về BVQLNTD để bị tổn thương và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, song phạm vi điều chỉnh nhìn chung vẫn còn hẹp và chưa được thể hiện xuyên suốt trong nhiều quy định như cấu phần kinh tế.

Sự thiên lệch này phản ánh cách tiếp cận lập pháp hiện nay của Việt Nam, theo đó ưu tiên mục tiêu ổn định thị trường và bảo đảm tính khả thi của pháp luật. Điều này cho thấy pháp luật BVQLNTD ở Việt Nam hiện vẫn đang trong quá trình chuyển đổi từ mô hình bảo vệ người tiêu dùng truyền thống sang mô hình pháp luật BVQLNTD gắn với mục tiêu PTBV.

4. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng để hỗ trợ phát triển bền vững tại Việt Nam

Mặc dù Luật BVQLNTD năm 2023 đã có những bước tiến đáng kể trong việc thúc đẩy PTBV, nhưng vẫn tồn tại một số hạn chế cần được khắc phục, đặc biệt khi đối chiếu với khung lý luận về ba cấu phần của PTBV (môi trường, kinh tế và xã hội) cũng như kinh nghiệm pháp luật quốc tế. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật theo từng cấu phần cụ thể của PTBV, đồng thời gắn với lộ trình thực hiện phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam.

4.1. Đề xuất hoàn thiện quy định thuộc cấu phần môi trường

Thứ nhất, bổ sung khái niệm về sản xuất bền vững

Luật BVQLNTD năm 2023 đã đề cập tới sản xuất và tiêu dùng bền vững, đồng thời đưa ra khái niệm về “*tiêu dùng bền vững*”, song lại không quy định cụ thể về “*sản xuất bền vững*”. Khoảng trống này khiến các TCCNKD thiếu cơ sở pháp lý rõ ràng để định hướng hoạt động sản xuất, kinh doanh theo tiêu chuẩn bền vững. Một số ý kiến cho rằng, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã bao quát nội dung này nên không cần đưa quy định này vào Luật BVQLNTD. Tuy nhiên, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 chủ yếu tiếp cận từ góc độ kiểm soát ô nhiễm và quản lý tài nguyên, trong khi đó Luật BVQLNTD lại hướng đến việc bảo đảm quyền và lợi ích lâu dài của NTD. Việc thiếu vắng khái niệm “*sản xuất bền vững*” trong đạo luật chuyên ngành về BVQLNTD có thể dẫn đến sự thiếu đồng bộ, bởi tiêu dùng bền vững khó có thể đạt được nếu thiếu khung pháp lý về sản xuất bền vững. Có thể tham khảo định nghĩa của Cục Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ (EPA), theo đó, sản xuất bền vững là “*quá trình tạo ra các sản phẩm nhằm giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực đến môi trường, bảo tồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên, đồng thời nâng cao chất lượng và an toàn cho công nhân, cộng đồng và sản phẩm*”[24].

Trong ngắn hạn, nội dung này có thể được cụ thể hóa thông qua các văn bản hướng dẫn thi hành Luật nhằm tạo cơ sở pháp lý bước đầu cho việc áp dụng trong thực tiễn. Về dài hạn, việc bổ sung khái niệm “*sản xuất bền vững*” trực tiếp trong Luật BVQLNTD là cần thiết để hoàn thiện cấu phần môi trường của PTBV trong lĩnh vực bảo vệ NTD.

Kiến nghị này có mức độ ưu tiên trung bình. Do đây là nội dung liên quan đến việc hoàn thiện khái niệm pháp lý cơ bản, có phạm vi tác động rộng và cần được tổng kết thực tiễn thi hành Luật trước khi xem xét sửa đổi

Thứ hai, sửa đổi, bổ sung quy định về nghĩa vụ tiêu dùng bền vững của người tiêu dùng

Một là, cần cụ thể hóa nghĩa vụ của NTD trong Luật BVQLNTD năm 2023 hoặc dẫn chiếu rõ ràng đến các văn bản pháp luật liên quan. Việc quy định khái quát rằng, NTD phải “*tuân thủ quy định về kiểm định, bảo vệ môi trường, tiêu dùng bền vững theo quy định pháp luật*” khiến cả NTD lẫn cơ quan quản lý đều không có cơ sở xác định vi phạm và mức độ tuân thủ. Do đó, pháp luật cần quy định rõ hơn những hành vi mà NTD phải thực hiện, chẳng hạn như phân loại rác tại nguồn, hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần hoặc ưu tiên lựa chọn sản phẩm thân thiện với môi trường. Kinh nghiệm của EU cho thấy việc cụ thể hóa nghĩa vụ của NTD thông qua các hành vi xác định rõ ràng tạo cơ sở thuận lợi hơn cho hoạt động giám sát và thực thi pháp luật. Tuy nhiên, việc áp dụng ngay mô hình này tại Việt Nam cần được cân nhắc phù hợp với điều kiện thực tiễn, bởi mức độ hoàn thiện của hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cũng như mức độ phổ biến của thói quen tiêu dùng bền vững hiện nay vẫn chưa đồng đều giữa các khu vực. Vì vậy, việc hoàn thiện quy định nên được thực hiện theo lộ trình phù hợp nhằm bảo đảm tính khả thi trong quá trình áp dụng.

Hai là, để bảo đảm tính khả thi của các quy định về nghĩa vụ tiêu dùng bền vững, cần bổ sung chế tài đối với những trường hợp NTD vi phạm. Tuy nhiên, chế tài không nên đặt ở mức quá nghiêm khắc, bởi điều này có thể gây ra phản ứng xã hội và làm giảm khả năng áp dụng trong thực tiễn. Do đó, mức xử phạt nên được quy định ở mức độ vừa phải, chủ yếu mang tính nhắc nhở, kết hợp với các biện pháp hỗ trợ như tuyên truyền, hướng dẫn và tạo điều kiện để NTD có thể thực hiện nghĩa vụ một cách thuận lợi. Cách tiếp cận này giúp bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, góp phần định hướng hành vi tiêu dùng có trách nhiệm và thúc đẩy PTBV.

Nội dung này có thể được triển khai thông qua các văn bản dưới luật mà không cần sửa đổi Luật trong giai đoạn trước mắt. Tuy nhiên, kiến nghị này hiện có mức độ ưu tiên trung bình do cần thêm thời gian đánh giá điều kiện thực tiễn tại Việt Nam nhằm bảo đảm tính khả thi của quy định khi áp dụng.

4.2. Đề xuất hoàn thiện quy định thuộc cấu phần kinh tế

Mặc dù các quy định thuộc cấu phần kinh tế trong Luật BVQLNTD năm 2023 đã được thiết kế tương đối đầy đủ, đặc biệt trong việc mở rộng trách nhiệm của TCCNKD nhằm bảo đảm quyền lợi của NTD. Song các quy định hiện hành chủ yếu tập trung vào việc bảo đảm tính minh bạch, an toàn và chất lượng của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, trong khi những thông tin liên quan đến tính bền vững của sản phẩm vẫn chưa được pháp luật yêu cầu công khai đầy đủ. Điều này cho thấy cấu phần môi trường trong các quy định về trách nhiệm của TCCNKD hiện vẫn chưa được thể hiện tương xứng với cấu phần kinh tế.

Do đó, cần nghiên cứu bổ sung các quy định yêu cầu TCCNKD thực hiện trách nhiệm môi trường trong toàn bộ quá trình cung cấp sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cho NTD. Chẳng hạn, pháp luật có thể quy định trách nhiệm giảm thiểu bao bì khó phân hủy, khuyến khích sử dụng vật liệu tái chế, đồng thời yêu cầu TCCNKD không chỉ cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ về đo lường, số lượng, khối lượng, chất lượng, công dụng... mà còn phải công khai các yếu tố bền vững của sản phẩm như độ bền, khả năng sửa chữa, tái chế và tác động môi trường. Việc bổ sung các quy định này không chỉ góp phần bảo vệ quyền được thông tin của NTD mà còn tạo cơ chế thúc đẩy tiêu dùng bền vững và định hướng doanh nghiệp điều chỉnh hoạt động sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường hơn. Kinh nghiệm từ EU cho thấy, trong Chỉ thị “Quyền sửa chữa: tăng cường quyền của NTD” (Right to Repair: Strengthened consumer rights) đã có quy định, theo đó doanh nghiệp phải cung cấp thông tin về độ bền, khả năng sửa chữa và tái chế của sản phẩm ngay tại điểm bán hàng[25]. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm tại EU cho thấy, khi NTD được cung cấp những thông tin này, họ có xu hướng quyết định mua hàng bền vững hơn[26]. Trong bối cảnh Việt Nam đã tham gia nhiều cam kết quốc tế liên quan đến PTBV, cách tiếp cận này có thể được tham khảo nhằm hoàn thiện các quy định về trách nhiệm cung cấp thông tin của TCCNKD. Tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay, việc áp dụng ngay các yêu cầu công khai thông tin bền vững

theo tiêu chuẩn tương tự EU có thể gặp khó khăn do hạn chế về hệ thống tiêu chuẩn đánh giá, năng lực kiểm chứng thông tin và chi phí tuân thủ của TCCNKD. Vì vậy, việc tiếp nhận kinh nghiệm của EU cần được thực hiện theo từng bước, phù hợp với điều kiện pháp lý, kinh tế - xã hội của Việt Nam. Do vậy, trong giai đoạn trước mắt, nội dung này có thể được thực hiện thông qua việc sửa đổi, bổ sung nghị định hướng dẫn thi hành Luật BVQLNTD, với lộ trình áp dụng theo từng nhóm sản phẩm, ưu tiên các sản phẩm điện tử và điện gia dụng có tác động lớn đến môi trường.

Kiến nghị này có mức độ ưu tiên cao. Bởi đây là giải pháp có tính khả thi cao, không đòi hỏi sửa đổi Luật và phù hợp với xu hướng pháp luật thương mại quốc tế, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam thực thi các cam kết trong EVFTA.

4.3. Đề xuất hoàn thiện quy định thuộc cấu phần xã hội

Thứ nhất, sửa đổi, bổ sung khái niệm về NTD dễ bị tổn thương

Đối với quy định về NTD dễ bị tổn thương, pháp luật cần được hoàn thiện theo hướng mở và linh hoạt hơn nhằm bảo đảm khả năng bao quát các trường hợp người tiêu dùng có nguy cơ gặp bất lợi trong quan hệ tiêu dùng hiện đại. Theo đó, khái niệm NTD dễ bị tổn thương cần được xây dựng theo hướng tập trung vào những đặc điểm nhận diện cơ bản như khả năng chịu bất lợi trong tiếp cận thông tin, bảo vệ sức khỏe, tài sản hoặc giải quyết tranh chấp. Đồng thời, cần tính đến yếu tố hoàn cảnh mang tính thời điểm, khi NTD trong những tình huống đặc biệt (ví dụ: mất người thân, ly hôn, cú sốc tâm lý...) có thể rơi vào trạng thái dễ bị tổn thương và cần được bảo vệ.

Trường hợp vẫn giữ nguyên quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật BVQLNTD năm 2023, nên bổ sung một quy định mở bên cạnh danh mục bảy nhóm đối tượng đã được liệt kê. Quy định này có thể là: “*Người tiêu dùng khác có nguy cơ gặp bất lợi trong việc tiếp cận thông tin, bảo vệ sức khỏe, tài sản hoặc quyền lợi khi mua sắm và sử dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo quy định pháp luật.*” Việc bổ sung điều khoản này trao quyền cho các cơ quan liên quan xác định các trường hợp cụ thể của NTD dễ bị tổn thương, qua đó giúp pháp luật nhanh chóng thích ứng với những thay đổi không ngừng của thị trường, bảo đảm không bỏ sót bất kỳ đối tượng nào cần được bảo vệ.[27]

Việc bổ sung điều khoản mở liên quan tới khái niệm NTD dễ bị tổn thương có thể hướng dẫn thông qua nghị định của Chính phủ để bảo đảm tính linh hoạt và khả thi. Kiến nghị này có mức độ ưu tiên trung bình, do phạm vi tác động rộng và cần được đánh giá thận trọng trên cơ sở tổng kết thực tiễn thi hành Luật BVQLNTD năm 2023, đồng thời bảo đảm sự thống nhất với các lĩnh vực pháp luật có liên quan.

Thứ hai, cần hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành trong quản lý nhà nước nhằm thúc đẩy tiêu dùng bền vững

Từ những hạn chế trong cơ chế thực thi đã phân tích, việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về phối hợp liên ngành là yêu cầu cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực này. Theo đó, cần bổ sung quy định về cơ chế phối hợp liên ngành theo hướng có tính ràng buộc pháp lý, bao gồm: (i) xác định rõ phạm vi trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành trong triển khai chính sách tiêu dùng bền vững; (ii) cơ chế chia sẻ dữ liệu và thông tin giữa các cơ quan quản lý; (iii) quy trình giám sát chéo và chế độ báo cáo, đánh giá định kỳ; (iv) thiết lập hệ thống tiêu chí đánh giá hiệu quả thực thi gắn với mục tiêu PTBV.

Trước mắt, các nội dung này có thể được cụ thể hóa thông qua việc ban hành văn bản dưới luật, đồng thời kết hợp với việc phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung nhằm hỗ trợ công tác quản lý và giám sát. Đây cũng là kiến nghị có mức độ ưu tiên cao do không đòi hỏi sửa đổi Luật, đồng thời có khả năng tác động trực tiếp đến hiệu quả thực thi chính sách, qua đó góp phần thúc đẩy tiêu dùng bền vững một cách thực chất.

Kết luận

Ở Việt Nam, PTBV là một trong những nhân tố cơ bản để thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế, đồng thời là mục tiêu quan trọng hàng đầu mà nền kinh tế hướng tới. Việc lồng ghép các yêu cầu của PTBV vào hệ thống pháp luật, đặc biệt là trong Luật BVQLNTD năm 2023, thể hiện sự chuyển biến quan trọng trong tư duy lập pháp, khi NTD không chỉ được nhìn nhận là chủ thể cần được bảo vệ mà còn là tác nhân góp phần thúc đẩy PTBV.

Trên cơ sở xây dựng nội hàm khái niệm “PTBV trong BVQLNTD” với ba cấu phần gồm môi trường, kinh tế và xã hội, bài viết đã tập trung phân tích một số quy định mang tính cốt lõi của Luật BVQLNTD năm 2023 trong mối liên hệ với từng cấu phần. Đồng thời, đánh giá dưới các tiêu chí về cách tiếp cận khái niệm, kỹ thuật lập pháp và cơ chế thực thi. Mặc dù Luật BVQLNTD năm 2023 còn nhiều quy định khác có liên quan đến PTBV, song trong phạm vi bài viết, tác giả chủ yếu tập trung vào những nội dung tiêu biểu và có tác động rõ nét nhất đến việc thúc đẩy sản xuất, tiêu dùng bền vững và bảo vệ người tiêu dùng trong bối cảnh hiện nay. Kết quả cho thấy Luật BVQLNTD năm 2023 đã đặt nền móng pháp lý quan trọng, song vẫn còn những hạn chế về tính cụ thể của quy định, khả năng thực thi và tính đồng bộ. Các kiến nghị hoàn thiện được đề xuất theo từng cấu phần, gắn với lộ trình thực hiện phù hợp với điều kiện Việt Nam. Hy vọng rằng các phân tích và kiến nghị trong bài viết sẽ góp phần xây dựng một môi trường tiêu dùng minh bạch, có trách nhiệm và hướng tới PTBV ở Việt Nam trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023 số 19/2023/QH15
2. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 số 59/2010/QH12

3. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 số 72/2020/QH14
4. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15
5. Nghị định số 205/2025/NĐ-CP, ban hành ngày 14/07/2025, có hiệu lực từ 01/09/2025, sửa đổi, bổ sung Nghị định 111/2015/NĐ-CP về phát triển công nghiệp hỗ trợ
6. Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2030
7. Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững
8. GS.TS Lê Hồng Hạnh, Các điều kiện cần và đủ để pháp luật có khả năng giúp hiện thực hóa mục tiêu phát triển bền vững, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Pháp luật vì mục tiêu phát triển bền vững”, năm 2025, trang 04
9. Vũ Văn Hiền, Phát triển bền vững ở Việt Nam, Tạp chí Cộng sản (Communist Review), số tháng 1-2014, <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/nghien-cu/-/2018/25248/phet-trien-ben-vung-o-viet-nam.aspx>, truy cập ngày 22/12/2025
10. ThS. Phạm Phương Ngọc và ThS. Nguyễn Thị Ngọc Tú, Vai trò của người tiêu dùng đối với xu hướng tiêu dùng bền vững, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Pháp luật vì mục tiêu phát triển bền vững”, năm 2025, trang 655
11. Trần Thị Phương Liên, Quy định mới liên quan đến bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng dễ bị tổn thương theo Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023, Kỷ yếu Hội thảo “Điểm mới của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023” của Khoa Pháp luật kinh tế, trường Đại học Luật Hà Nội, trang 08
12. PGS.TS Ngô Huy Cương, Pháp luật Việt Nam trước yêu cầu phát triển bền vững, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 23(502), tháng 12/2024, <https://lapphap.vn/Pages/TinTuc/212043/Phap-luat-Viet-Nam-truoc-yeu-cau-phat-trien-ben-vung.html>, truy cập ngày 03/01/2026
13. Trần Thị Phương Liên, Hoàn thiện pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vì mục tiêu phát triển bền vững, Tạp chí Cộng sản (Communist Review), số tháng 7 – 2025, https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/nghien-cu/-/2018/1112202/view_content, truy cập ngày 25/12/2025
14. Phạm Hồng Hạnh, Phạm Thị Bắc Hà, Liên Hợp Quốc với vấn đề phát triển bền vững, Tạp chí Luật học số 7/2021, trang 50

15. Phạm Văn Anh, Hoàn thiện khái niệm người tiêu dùng dễ bị tổn thương trong pháp luật Việt Nam: Bài học kinh nghiệm từ Liên minh châu Âu, (25/4/2024), <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/04/25/hoan-thien-khai-niem-nguoi-tieu-dung-de-bi-ton-thuong-trong-phap-luat-viet-nam-bai-hoc-kinh-nghiem-tu-lien-minh-chau-au/>, truy cập ngày 25/12/2025
16. Cổng thông tin điện tử Bộ Công thương, Các mốc quan trọng của tiêu dùng bền vững trên thế giới và trong bối cảnh Covid-19, (16/9/2021), <https://moit.gov.vn/phat-trien-ben-vung/mot-so-cot-moc-ve-su-hinh-thanh-va-phat-trien-cua-hoat-dong-tieu-dung-ben-vung-tren-the-gioi.html5>, truy cập ngày 25/12/2025
17. OECD, Towards Sustainable household consumption, (2002), https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2002/04/towards-sustainable-household-consumption_g1gh28aa/9789264175068-en.pdf, truy cập ngày 25/12/2025
18. OECD, Promoting Sustainable Consumption: Good Practices in OECD Countries, (2008), https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2008/03/promoting-sustainable-consumption_cf87f34b/351d2dc6-en.pdf, truy cập ngày 01/01/2026
19. Báo Vietnamplus, Việt Nam tham gia tích cực vào các cơ chế hợp tác đa phương, (30/12/2021), <https://www.vietnamplus.vn/viet-nam-tham-gia-tich-cuc-vao-cac-co-che-hop-tac-da-phuong/765838.vnp>, truy cập ngày 01/01/2026
20. Báo tuổi trẻ, “Việt Nam xanh 2025: Hành trình của mọi người tiêu dùng”, (27/3/2025), <https://tuoitre.vn/viet-nam-xanh-2025-hanh-trinh-cua-moi-nguoi-tieu-dung-2025032714334619.htm>, truy cập ngày 01/01/2026
21. European Parliament, Strategy for strengthening the rights of vulnerable consumer, (2012), https://www.europarl.europa.eu/doceo/document/TA-7-2012-0209_EN.html, truy cập ngày 02/01/2026
22. United states Environmental Protection Agency, (25/11/2025), <https://www.epa.gov/sustainability/sustainable-manufacturing>, truy cập ngày 02/01/2026
23. European Parliament, Right to repair, Strengthened consumer rights, (2023), https://www.europarl.europa.eu/RegData/etudes/BRIE/2023/753927/EP_RS_BRI%282023%29753927_EN.pdf?utm_source=, truy cập ngày 02/01/2026
24. European Parliament, “Sustainable consumption and Consumer Protection Legislation”, (2020),

[https://www.europarl.europa.eu/RegData/etudes/IDAN/2020/648769/IPOL_IDA\(2020\)648769_EN.pdf](https://www.europarl.europa.eu/RegData/etudes/IDAN/2020/648769/IPOL_IDA(2020)648769_EN.pdf), truy cập ngày 02/01/2026

[*] Ths, Khoa Pháp luật Kinh tế, Trường Đại học Luật Hà Nội. Email: nvh.hlu@gmail.com, ngày duyệt đăng 29/05/2026.

[1] GS.TS Lê Hồng Hạnh, *Các điều kiện cần và đủ để pháp luật có khả năng giúp hiện thực hóa mục tiêu phát triển bền vững*, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Pháp luật vì mục tiêu phát triển bền vững”, năm 2025

[2] PGS.TS Ngô Huy Cương, *Pháp luật Việt Nam trước yêu cầu phát triển bền vững*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 23(502), tháng 12/2024

[3] Phạm Hồng Hạnh, Phạm Thị Bắc Hà (2021), *Liên Hợp Quốc với vấn đề phát triển bền vững*, Tạp chí Luật học số 7/2021

[4] OECD (2008), *“Promoting Sustainable Consumption: Good Practices in OECD Countries”*,
https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2008/03/promoting-sustainable-consumption_cf87f34b/351d2dc6-en.pdf

[5] Cổng thông tin điện tử Bộ Công thương, *“Các mốc quan trọng của tiêu dùng bền vững trên thế giới và trong bối cảnh Covid-19”*, (16/9/2021),
<https://moit.gov.vn/phat-trien-ben-vung/mot-so-cot-moc-ve-su-hinh-thanh-va-phat-trien-cua-hoat-dong-tieu-dung-ben-vung-tren-the-gioi.html5>

[6] OECD, *Towards Sustainable household consumption*, (2002),
https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2002/04/towards-sustainable-household-consumption_g1gh28aa/9789264175068-en.pdf

[7] Khoản 10 Điều 3 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023

[8] ThS. Phạm Phương Ngọc và ThS. Nguyễn Thị Ngọc Tú, *Vai trò của người tiêu dùng đối với xu hướng tiêu dùng bền vững*, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Pháp luật vì mục tiêu phát triển bền vững”, năm 2025

[9] Báo tuổi trẻ (2025), *Việt Nam xanh 2025: Hành trình của mọi người tiêu dùng*, (27/3/2025), <https://tuoitre.vn/viet-nam-xanh-2025-hanh-trinh-cua-moi-nguoi-tieu-dung-2025032714334619.htm>

[10] Khoản 3 Điều 5 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023

[11] Khoản 7 Điều 7 Luật Bảo vệ quyền lợi NTD năm 2023

[12] Điểm a khoản 2 Điều 12 Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15

[13] Báo Vietnamplus, “*Việt Nam tham gia tích cực vào các cơ chế hợp tác đa phương*”, (30/12/2021), <https://www.vietnamplus.vn/viet-nam-tham-gia-tich-cuc-vao-cac-co-che-hop-tac-da-phuong/765838.vnp>,

[14] Điều 39 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023

[15] Điều 32 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023

[16] Liên Hợp Quốc Việt Nam, <https://www.pace.edu.vn/tin-kho-tri-thuc/muc-tieu-phat-trien-ben-vung#muc-tieu-10-giam-bat-binh-dang-reduced-inequalities>

[17] “*Người tiêu dùng dễ bị tổn thương là người tiêu dùng có khả năng chịu nhiều tác động bất lợi trong việc tiếp cận thông tin, bảo đảm sức khỏe, tài sản và giải quyết tranh chấp tại thời điểm mua hoặc sử dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; bao gồm người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em theo quy định của pháp luật; người dân tộc thiểu số hoặc người sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn; phụ nữ đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi; người mắc bệnh hiểm nghèo; thành viên hộ nghèo theo quy định của pháp luật*”, khoản 1 Điều 8 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023

[18] European Parliament, *Strategy for strengthening the rights of vulnerable consumer*, (2012), https://www.europarl.europa.eu/doceo/document/TA-7-2012-0209_EN.html

[19] Phạm Văn Anh (2024), *Hoàn thiện khái niệm người tiêu dùng dễ bị tổn thương trong pháp luật Việt Nam: Bài học kinh nghiệm từ Liên minh châu Âu*, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/04/25/hoan-thien-khai-niem-nguoi-tieu-dung-de-bi-ton-thuong-trong-phap-luat-viet-nam-bai-hoc-kinh-nghiem-tu-lien-minh-chau-au/>

[20] Trần Thị Phương Liên (2023), “*Quy định mới liên quan đến bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng dễ bị tổn thương theo Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023*”, Kỷ yếu Hội thảo “*Điểm mới của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023*” của Khoa Pháp luật kinh tế, trường Đại học Luật Hà Nội

[21] Khoản 3 Điều 8 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023

[22] Khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023

[23] Điều 77 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023

[24] United States Environmental Protection Agency, (25/11/2025), <https://www.epa.gov/sustainability/sustainable-manufacturing>

[25] European Parliament, “ *Right to repair, Strengthened consumer rights*”, (2023),
https://www.europarl.europa.eu/RegData/etudes/BRIE/2023/753927/EPRS_BRI%282023%29753927_EN.pdf?utm_source=

[26] European Parliament, “*Sustainable consumption and Consumer Protection Legislation*”, (2020),
[https://www.europarl.europa.eu/RegData/etudes/IDAN/2020/648769/IPOL_IDA\(2020\)648769_EN.pdf](https://www.europarl.europa.eu/RegData/etudes/IDAN/2020/648769/IPOL_IDA(2020)648769_EN.pdf)

[27] Trần Thị Phương Liên (2025), Hoàn thiện pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, vì mục tiêu phát triển bền vững”, Tạp chí Cộng sản (Communist Review), số tháng 7 - 2025